

Số: 4402 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố nhóm thủ tục hành chính về đất đai  
trong Khu kinh tế Nhơn Hội thực hiện liên thông trên địa bàn tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát  
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành  
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính  
về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội và Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số  
Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu  
kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15  
tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình  
số 164/TTr-BQL ngày 25 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này nhóm thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội thực hiện liên thông trên địa bàn tỉnh và bãi bỏ 06 thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai đã công bố tại Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết liên thông nhóm thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bru điện tỉnh; VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, TT PVHCC;
- Lưu: VT, KSTT, K6, K16.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**Phụ lục**  
**NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRONG KHU KINH TẾ**  
**NHƠN HỘI THỰC HIỆN LIÊN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND*  
*ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**PHẦN I: DANH MỤC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/ THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục nhóm thủ tục hành chính ban hành mới**

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Nhóm thủ tục Giao lại đất tái định cư và cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng do triển khai dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội
2	Nhóm thủ tục Giao lại đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
3	Nhóm thủ tục Giao lại đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
4	Nhóm thủ tục Gia hạn quyền sử dụng đất
5	Nhóm thủ tục Thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất (chỉ áp dụng cho các dự án đầu tư)

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	BQLKKTBD_DD_06	Giao lại đất trong Khu kinh tế đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội; - Quyết định số
2	BQLKKTBD_DD_05	Giao lại đất trong Khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân	
3	BQLKKTBD_DD_04	Thuê đất trong Khu kinh tế đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	
4	BQLKKTBD_DD_03	Thuê đất trong Khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân	

5	BQLKKTBD_DD_02	Gia hạn sử dụng đất trong Khu kinh tế đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước	58/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong
6	BQLKKTBD_DD_01	Gia hạn sử dụng đất trong Khu kinh tế đối với hộ gia đình, cá nhân	Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

**PHẦN II:**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI THỰC HIỆN LIÊN THÔNG**

***1. Nhóm thủ tục giao lại đất tái định cư và cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng do triển khai dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội***

***a) Trình tự thực hiện:***

- *Bước 1.* Tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết:

Công dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị giao lại đất tái định cư cho Ban Quản lý Khu kinh tế. Trong thời gian 01 ngày làm việc, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết phiếu hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để giải quyết.

- *Bước 2.* Thẩm định hồ sơ và ra Quyết định giao lại đất:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế ra quyết định giao lại đất; thông báo kết quả, hướng dẫn người sử dụng đất kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính và tiếp nhận các Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

- *Bước 3.* Xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan thuế phải xác định nghĩa vụ tài chính và gửi cho Ban Quản lý Khu kinh tế để gửi lại cho người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất phải nộp biên lai gốc cho Ban Quản lý Khu kinh tế để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- *Bước 4.* Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế phải gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (*nộp qua Bộ phận nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện*) để đăng ký vào hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

- *Bước 5.* Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ phận nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

- *Bước 6.* Trong thời gian không quá 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện kiểm tra, chuẩn bị hồ sơ trình cấp

Giấy chứng nhận. Đồng thời, chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và môi trường cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận.

**- Bước 7. Cấp Giấy chứng nhận:**

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đến (*có chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính*), Phòng Tài nguyên và môi trường cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận và chuyển trả hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định và Giấy chứng nhận, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu, đăng ký vào hồ sơ địa chính và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả lại kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

**- Bước 8. Trả kết quả:**

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, sau khi nhận được Giấy chứng nhận, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm liên hệ, trao Giấy chứng nhận, bàn giao đất ngoài thực địa cho người sử dụng đất.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Ban Quản lý Khu kinh tế

**c) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Hộ gia đình, cá nhân nộp tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

+ Đơn xin giao đất, cho thuê đất (*theo Mẫu số 01/ĐK, Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Ngay sau khi ban hành quyết định giao lại đất, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thông báo kết quả và hướng dẫn người sử dụng đất nộp Tờ khai: thực hiện tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ (*theo mẫu của Bộ Tài chính*); Đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất và giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất (*nếu thuộc đối tượng và có nhu cầu nợ tiền sử dụng đất*);

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh rà soát, kiểm tra hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân và lập hồ sơ gửi cho cơ quan thuế, gồm: Phiếu chuyển Thông tin địa chính; Quyết định giao lại đất tái định cư; Đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất và giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất (*nếu có*); Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai tiền sử dụng đất; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để đăng ký vào hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Quyết định giao lại đất tái định cư; Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất; Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính (*bộ gốc*); Trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất (*bản giấy và file số theo hệ tọa độ VN-2000 múi chiếu 3 độ*); Đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất và giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ghi nợ tiền sử dụng đất (*nếu có*).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

**e) Thời gian giải quyết:** Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**g) Đối tượng thực hiện TTHC:** Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai 2013, sử dụng đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

**h) Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh quyết định giao lại đất và bàn giao đất ngoài thực địa

+ Chi Cục thuế: xác định nghĩa vụ tài chính.

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu, đăng ký vào hồ sơ địa chính.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định hồ sơ

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định giao lại đất;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**k) Phí và lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ và Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thanh toán tại thời điểm nhận kết quả giải quyết TTHC. Mức thu theo quy định tại Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin giao lại đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tờ khai tiền sử dụng đất theo Mẫu số 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Tờ khai lệ phí trước bạ theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo Mẫu số 01/TK-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;
- Thông tư số 89/2017/NĐ-CP ngày 23/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;
- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội;
- Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh và Quyết định 40/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.



Mẫu số: **01/ĐK**

(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 30/2014/TT-BTNMT ngày  
02/6/2014 của Bộ Tài nguyên  
và Môi trường.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày..... tháng .....năm ....

**ĐƠN<sup>1</sup>....**

**Kính gửi<sup>2</sup>:** .....

1. Người xin giao lại đất/thuê đất/<sup>3</sup>.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m<sup>2</sup>):.....
6. Để sử dụng vào mục đích: <sup>4</sup>.....
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;  
Các cam kết khác (nếu có).....

**Người làm đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Ghi rõ đơn xin giao lại đất hoặc xin thuê đất.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên cấp có thẩm quyền giao lại đất, cho thuê đất.

<sup>3</sup> Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

<sup>4</sup> Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

Mẫu số: **01/TSDĐ**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 156/2013/TT-BTC ngày  
 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

- [01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh   
 [02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

**1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDD):**

**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:

**1.3 Đại lý thuế (nếu có) :** .....

**1.4. Mã số thuế:** .....

1.5. Địa chỉ: .....

1.6. Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....

1.7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số : ..... ngày.....

**2. Giấy tờ về quyền SDD (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**

**3. Đặc điểm thửa đất:**

**3.1. Địa chỉ thửa đất:**

Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn).....  
 Quận (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

**3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):**

**3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:**

**3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:**

**3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất:** ngày..... tháng.....năm.....

**3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:**

**4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):**

**4.1. Đất ở tại nông thôn:**

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

**4.2. Đất ở tại đô thị:**

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

**4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:**

**4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:**

**5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

---

**6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...**

---

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

...,Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THU**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .....

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ..... ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: .....

1.1. Địa chỉ thửa đất: .....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất: .....

1.4. Diện tích (m<sup>2</sup>): .....

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ: .....

Địa chỉ người giao QSDĐ: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày ..... tháng ..... năm .....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: ..... Loại nhà: .....

2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup> sàn xây dựng): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm .....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng): .....

.....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do): .....

.....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....

- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

...., ngày .... tháng .... năm ....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Hoặc **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC**  
**ỦY QUYỀN KHAI THAY**

Họ và tên:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**  
**(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)**

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ:

**I/ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

<b>1. Người nộp thuế</b>	[04] Họ và tên:
[05] Ngày tháng năm sinh:	[06] Mã số thuế:
[07] Số CMND/hộ chiếu: <b>215053165</b>	[08] Ngày cấp:
[09] Nơi cấp: <b>Công an Bình</b>	
[10] Địa chỉ cư trú :	
[10.1] Tò/thôn:	[10.2] Phường/xã/thị trấn: <b>Nhơn Hội</b>
[10.3] Quận/huyện: <b>Tp Quy Nhơn</b>	[10.4] Tỉnh/Thành phố: <b>Bình Định</b>
[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	[11.1] Điện thoại: <b>0866484849</b>
[12] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):	
<b>2. Đại lý thuế (nếu có)</b>	[13] Tên tổ chức:
[14] Mã số thuế:	
[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	
[15.1] Phường/xã/thị trấn:	
[15.2] Quận/huyện:	[15.3] Tỉnh/Thành phố:
[15.4] Điện thoại: Fax: Email:	
[15.5] Hợp đồng đại lý thuế: Số hợp đồng : Ngày : .../.../.....	

<b>3. Thừa đất chịu thuế</b>	
[16] Địa chỉ: <b>Khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1)</b>	[17] Tò/Thôn: <b>Nhơn Phước</b>
[18] Phường/xã/thị trấn: <b>Nhơn</b>	[19] Quận/huyện: <b>Tp Quy Nhơn</b>
[20] Tỉnh/Thành phố: <b>Bình</b>	
[21] Là thừa đất duy nhất: <input type="checkbox"/>	[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):
[23] Đã có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	Số giấy chứng nhận: <b>CS 02652</b>
[23.1] Ngày cấp:	
[23.2] Thừa đất số: <b>Lô số 448a</b>	[23.3] Tờ bản đồ số:
[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: <b>100m<sup>2</sup></b>	[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh): <b>Đất ở</b>
[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: <b>100m<sup>2</sup></b>	
[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: <b>100m<sup>2</sup></b>	
[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định:	
[24.3] Hạn mức (nếu có)	
[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:	
[25] Chưa có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	[25.1] Diện tích:
[25.2] Mục đích đang sử dụng:	

<b>4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):</b>
[26.1] Loại nhà: [26.2] Diện tích: [26.3] Hệ số phân bổ:

**5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế:** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....

<b>6. Đăng ký nộp thuế:</b>
<input type="checkbox"/> Nộp thuế một lần trong năm
<input type="checkbox"/> Nộp thuế theo 2 lần trong năm
<input type="checkbox"/> Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm: ....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 202.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**II/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG**Đơn vị tiền: *Đồng Việt Nam***1. Người nộp thuế**

[28] Họ và tên:

[29] Ngày tháng năm sinh:

[30] Mã số thuế:

[31] Số CMND/hộ chiếu:

[32] Ngày cấp:

[33] Nơi cấp:

**2. Thửa đất chịu thuế**

[34] Địa chỉ:

[35] Tò/Thôn:

[36] Phường/xã/thị trấn:

[37] Quận/huyện:

[38] Tỉnh/Thành phố:

[39] Đã có giấy chứng nhận 

Số GCN:

[39.1] Ngày cấp:

[39.2] Thửa đất số:

[39.3] Tờ bản đồ số:

[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[39.6] Mục đích sử dụng:

[39.7] Hạn mức:

*(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)*[40] Chưa có giấy chứng nhận: 

[40.1] Diện tích:

[40.2] Mục đích đang sử dụng:

**3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41]** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)**4. Căn cứ tính thuế**

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[43] Hạn mức tính thuế:

[44] Thông tin xác định giá đất:

[44.1] Loại đất:

[44.2] Tên đường/vùng:

[44.3] Đoạn đường/khu vực:

[44.4] Loại đường:

[44.5] Vị trí/hạng:

[44.6] Giá đất:

[44.7] Hệ số (đường/hẻm):

[44.8] Giá 1 m<sup>2</sup> đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:**5. Diện tích đất tính thuế****5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức <i>(thuế suất: 0,03%)</i>	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức <i>(thuế suất: 0,07%)</i>	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức <i>(thuế suất 0,15%)</i>
...	...	...

**5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):**

[48] Diện tích:

[49] Hệ số phân bổ:

**5.3. [50]** Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:**5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:**

[51] Diện tích : ..... [52] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[53] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:**5.5. Đất lấn chiếm**

[54] Diện tích : ..... [55] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[56] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:

Ngày .... tháng ... năm 202....

**Cán bộ địa chính xã /phường**  
**/PHƯỜNG***(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ngày .... tháng .... năm 202....

**CHỦ TỊCH UBND XÃ***(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**2. Nhóm thủ tục giao lại đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất**

**a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1.* Người sử dụng đất nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*quầy Ban Quản lý Khu kinh tế*). Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, viết phiếu hẹn và vào sổ theo dõi theo quy định. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để giải quyết.

- *Bước 2.* Thẩm định hồ sơ; Quyết định giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất cụ thể:

Trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế quyết định giao lại đất, cho thuê đất và thông báo kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thông báo cho người sử dụng đất biết.

Đồng thời, tổ chức thực hiện xác định đơn giá đất cụ thể để tính tiền giao đất, cho thuê đất (*không tính thời gian thực hiện trong bước này*).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế ra văn bản, nêu rõ lý do và chuyển lại hồ sơ Trung tâm phục vụ HCC thông báo cho người sử dụng.

- *Bước 3.* Chuyển giao đất dự án đã được giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng cho thuê đất:

Sau khi đơn giá đất cụ thể được phê duyệt, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển giao đất dự án đã được giải phóng mặt bằng; trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế trình Trưởng ban ký hợp đồng cho thuê đất: hướng dẫn người sử dụng đất kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính, xác định và miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thông báo cho người sử dụng đất nộp và chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế để xác định các nghĩa vụ tài chính khác (*nếu có*) và thực hiện việc quản lý thu.

- *Bước 4.* Xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, cơ quan thuế phải xác định nghĩa vụ tài chính và gửi cho Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để gửi lại cho người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính và thực hiện quản lý thu;

- *Bước 5.* Xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận

+ Trong thời hạn không quá 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận được biên lai gốc đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính từ người sử dụng đất, Ban



Quản lý Khu kinh tế có văn bản đề nghị Cục thuế xác nhận chủ sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với toàn bộ dự án.

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc Cục thuế tỉnh có trách nhiệm xác nhận và gửi lại cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

+ Trong thời hạn không quá 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận văn bản xác nhận chủ sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế chuyển hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).

+ Trong thời hạn không quá 0,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chuyển hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký đất đai.

*- Bước 6. Cấp Giấy chứng nhận*

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, chuẩn bị hồ sơ trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận.

+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận chuyển hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai.

+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, quét Giấy chứng nhận và hoàn thiện hồ sơ; trả kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

*- Bước 7. Trả kết quả:*

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, sau khi nhận được Giấy chứng nhận, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm trao Giấy chứng nhận, bàn giao đất ngoài thực địa cho người sử dụng đất và chuyển hồ sơ lưu theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định (số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn) hoặc nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích.

**c) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

\* Hồ sơ người sử dụng đất nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Ban Quản lý Khu kinh tế):

- Đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư, gồm:

+ Đơn xin giao đất, cho thuê đất (theo Mẫu số 01/ĐK, Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo Bản thuyết minh dự án đầu tư.

Trường hợp xin giao lại đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp kèm bản sao Bản thuyết minh dự án đầu tư nhưng phải cung cấp bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung liên quan đến việc sử dụng đất, quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trường hợp dự án sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản thì phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:

+ Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã lập khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án;

+ Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

- Đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình, gồm:

+ Đơn xin giao đất, cho thuê đất (*theo Mẫu số 01/ĐK, Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

+ Bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư;

+ Bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo.

+ Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

\* Ngay sau khi đơn giá đất cụ thể của dự án đã được phê duyệt, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thông báo kết quả và hướng dẫn người sử dụng đất nộp Tờ khai: tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (*theo mẫu của Bộ Tài chính*).

\* Hồ sơ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chuyển sang cơ quan thuế, gồm: Phiếu chuyển thông tin địa chính; Tờ khai tiền sử dụng đất; Tờ khai tiền lệ phí trước bạ; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Quyết định giao lại đất hoặc Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo Bản thuyết minh dự án đầu tư hoặc bản sao Bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

Trường hợp xin giao lại đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo (đối với trường hợp miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

\* Hồ sơ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chuyển sang Văn phòng đăng ký đất đai: Quyết định giao lại đất, cho thuê đất; Hợp đồng cho thuê đất; Trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất (bản giấy và file số theo hệ tọa độ VN-2000 múi chiều 3 độ). Nếu dự án nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì nộp thêm Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất; Thông báo nộp tiền sử dụng đất; Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính (bộ gốc) hoặc quyết định miễn, giảm tiền nghĩa vụ tài chính; văn bản của Cục Thuế tỉnh xác nhận chủ sử dụng đất đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính đối với toàn bộ dự án.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

**e) Thời gian giải quyết:** Không quá 16 ngày làm việc; không tính thời gian thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính và thời gian thực hiện thủ tục xác định đơn giá đất cụ thể.

**g) Đối tượng thực hiện TTHC:** Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai 2013, sử dụng đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

**h) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Ban Quản lý Khu kinh tế: Quyết định giao lại đất, thuê đất, ký Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*) và bàn giao đất ngoài thực địa.

- Cục Thuế tỉnh: Xác định nghĩa vụ tài chính.

- Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật sở sở dữ liệu đất đai, chuẩn bị hồ sơ trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Sở Tài nguyên và Môi trường (*thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh*) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định giao lại đất, thuê đất; Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**k) Phí và Lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ và Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thanh toán tại thời điểm nhận kết quả giải quyết TTHC. Mức thu theo quy định tại Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định

**l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin giao lại đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Mẫu số 01/TMĐN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tờ khai tiền sử dụng đất theo Mẫu số 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Tờ khai lệ phí trước bạ theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo Mẫu số 02/TK-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

***m) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 89/2017/NĐ-CP ngày 23/8/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội;

- Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo

Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh và Quyết định 40/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu số: **01/ĐK**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 30/2014/TT-BTNMT ngày  
 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên  
 và Môi trường.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày..... tháng .....năm ....

**ĐƠN <sup>1</sup>....**

**Kính gửi <sup>2</sup>:** .....

1. Người xin giao lại đất/thuê đất/<sup>3</sup>.....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m2):.....
6. Để sử dụng vào mục đích: <sup>4</sup>.....
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;  
 Các cam kết khác (nếu có).....

**Người làm đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Ghi rõ đơn xin giao lại đất hoặc xin thuê đất.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên cấp có thẩm quyền giao lại đất, cho thuê đất.

<sup>3</sup> Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

<sup>4</sup> Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số: **01/TMDN**  
(Ban hành kèm theo Thông  
tư số 156/2013/TT-BTC  
ngày 06/11/2013 của Bộ  
Tài chính)

**TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC**

[01] Kỳ tính thuế: Năm ....

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có) :

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện:

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:

[16] Fax:

[17] Email: .

[18] Hợp đồng đại lý thuế, số:..

ngày ..

**1. Văn bản của cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất, thuê mặt nước (hoặc chuyển từ giao đất sang cho thuê đất, gia hạn cho thuê đất, thuê mặt nước...):**

1.1. Quyết định số ..... ngày ..... tháng .... năm .... của .....

1.2. Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**2. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:**

2.1. Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

2.2. Vị trí thửa đất/mặt nước

2.3. Mục đích sử dụng:

2.4. Diện tích:

2.5. Thời điểm được thuê đất ( theo ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):.....

Ngày được bàn giao sử dụng: ..... (áp dụng trong trường hợp ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, mặt nước khác với ngày được bàn giao sử dụng)

**3. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê(m<sup>2</sup>) :**

3.1. Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

3.2. Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

3.3. Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

3.4. Đất/ mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

3.5. Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác

**4. Thời gian thuê :**

**5. Các khoản tiền được giảm trừ tiền thuê đất, mặt nước (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường, hỗ trợ về đất: ..... đồng

5.2. Số tiền sử dụng đất đã nộp trước (nếu có): ..... đồng

5.3. Đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (lý do được miễn, giảm):

**6. Hình thức nộp tiền thuê đất:**

6.1. Nộp một lần cho cả thời gian thuê:

6.2. Nộp hàng năm:

**7. Hồ sơ, chứng từ kèm theo chứng minh thuộc đối tượng được trừ hoặc miễn, giảm tiền thuê đất (nếu bản sao thì phải có công chứng nhà nước):**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT***

- [01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh   
 [02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

**1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDD):**

**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): ..... Fax ..... email: .....

1.3 Đại lý thuế (nếu có) :.....

1.4. Mã số thuế: .....

1.5. Địa chỉ: .....

1.6. Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....

1.7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :..... ngày.....

**2. Giấy tờ về quyền SDD (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**

**3. Đặc điểm thửa đất:**

3.1. Địa chỉ thửa đất:

Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn)..... Quận  
 (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng.....năm.....

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

**4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):**

4.1. Đất ở tại nông thôn:

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

**5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

**6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...**



---

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  
Họ và tên:  
Chứng chỉ hành nghề số:

..., Ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số 01**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định  
số 140/2016/NĐ-CP ngày  
10/10/2016 của Chính Phủ)*

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .....

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ..... ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: .....

1.1. Địa chỉ thửa đất: .....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất: .....

1.4. Diện tích (m<sup>2</sup>): .....

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày ..... tháng ..... năm .....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: ..... Loại nhà: .....

2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup> sàn xây dựng): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng): .....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do): .....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....

- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Hoặc **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC  
ỦY QUYỀN KHAI THAY**

Họ và tên:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**  
 (Dùng cho tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm ...

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt

Nam

**1. Người nộp thuế**

[04] Tên tổ chức: \_\_\_\_\_ [05] Mã số thuế: \_\_\_\_\_

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế: \_\_\_\_\_

[06.1] Tổ/thôn: \_\_\_\_\_ [06.2] Phường/xã/thị trấn: \_\_\_\_\_

[06.3] Quận/huyện: \_\_\_\_\_ [06.4] Tỉnh/Thành phố: \_\_\_\_\_

[07] Điện thoại: \_\_\_\_\_ [08] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có): \_\_\_\_\_

[09] Tên tổ chức: \_\_\_\_\_

**2. Đại lý thuế (nếu có)**

[10] Mã số thuế: \_\_\_\_\_

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: \_\_\_\_\_

[11.1] Phường/xã/thị trấn: \_\_\_\_\_

[11.2] Quận/huyện: \_\_\_\_\_ [11.3] Tỉnh/Thành phố: \_\_\_\_\_

[11.4] Điện thoại: \_\_\_\_\_ [11.5] Fax: \_\_\_\_\_ [11.6] Email:.....

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế : Số: \_\_\_\_\_ Ngày .../.../.....

**3. Thừa đất chịu thuế**

[12] Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [13] Tổ/Thôn: \_\_\_\_\_

[14] Phường/xã/thị trấn: \_\_\_\_\_ [15] Quận/huyện: \_\_\_\_\_ [16] Tỉnh/Thành phố: \_\_\_\_\_

[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số: \_\_\_\_\_ [17.1] Ngày cấp: \_\_\_\_\_

[17.2] Thừa đất số: \_\_\_\_\_ [17.3] Tờ bản đồ số: \_\_\_\_\_ [17.4] Diện tích: \_\_\_\_\_

[17.5] Mục đích sử dụng: \_\_\_\_\_

**4. [18] Đối tượng miễn, giảm thuế:**

**5. Căn cứ tính thuế:**

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng: \_\_\_\_\_

[20] Thông tin xác định giá đất: \_\_\_\_\_

[20.1] Loại đất: \_\_\_\_\_

[20.2] Tên đường/vùng: \_\_\_\_\_

[20.3] Đoạn đường/khu vực: \_\_\_\_\_

[20.4] Loại đường: \_\_\_\_\_ [20.5] Vị trí/hạng: \_\_\_\_\_

[20.6] Giá đất: \_\_\_\_\_ [20.7] Hệ số (đường/hẻm): \_\_\_\_\_  
 [20.8] Giá 1 m<sup>2</sup> đất (Giá đất theo mục đích sử dụng): \_\_\_\_\_

## 6. Tính thuế

**6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[21] Diện tích: \_\_\_\_\_ [22] Số thuế phải nộp:  
 $[22]=[21]*[20.8]*0,03\%$

**6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng**

[23] Diện tích: \_\_\_\_\_ [24] Hệ số phân bổ: \_\_\_\_\_ [25] Số thuế phải nộp:  
 $[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03\%$

**6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích**

[26] Diện tích: \_\_\_\_\_ [27] Số thuế phải nộp ( $[27]=[26]*[20.8]*0,03\%$ ): \_\_\_\_\_

**6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:**

[28] Mục đích đang sử dụng: \_\_\_\_\_ [29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):  
 ( Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[30] Diện tích: \_\_\_\_\_ [31] Giá 1m<sup>2</sup> đất: \_\_\_\_\_

[32] Số thuế phải nộp ( $[32]=[30]*[31]*[29]*0,15\%$ ): \_\_\_\_\_

**6.5. Đất lấn, chiếm**

[33] Mục đích đang sử dụng: \_\_\_\_\_ [34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):  
 ( Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[35] Diện tích: \_\_\_\_\_ [36] Giá 1m<sup>2</sup> đất: \_\_\_\_\_

[37] Số thuế phải nộp ( $[37]=[35]*[36]*[34]*0,2\%$ ): \_\_\_\_\_

**7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ( $[38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37]$ ):**

**8. [39] Số thuế được miễn, giảm:**

**9. [40] Tổng số thuế phải nộp:  $[40]=[38] - [39]$**

**10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ( $[41]=[40]*5$ ):**

**11. Thời hạn nộp thuế:**

- Nộp thuế một lần trong năm.
- Nộp thuế theo 2 lần trong năm.
- Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

**THUẾ** Chứng chỉ hành nghề số:.....  
 (nếu có)

..., Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

**3. Nhóm thủ tục giao lại đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp giao lại đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất**

**a) Trình tự thực hiện:**

Sau khi có kết quả đấu giá, lập hồ sơ gửi Ban Quản lý Khu kinh tế để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- *Bước 1:* Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*quầy Ban Quản lý Khu kinh tế*). Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, viết phiếu hẹn và vào sổ theo dõi theo quy định. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để giải quyết.

- *Bước 2:* Trong hạn không quá 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ và biên bản kết quả thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất từ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất chuyển hồ sơ đến, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế kiểm tra, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế để trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

- *Bước 3:* Trong hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất gửi hồ sơ đến cơ quan thuế để tính thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các khoản tài chính có liên quan phải nộp theo quy định của pháp luật.

- *Bước 4:* Trong hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thuế phải gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các khoản tài chính có liên quan phải nộp cho người trúng đấu giá để nộp tiền, đồng thời gửi cho đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và Ban Quản lý Khu kinh tế để theo dõi việc nộp tiền.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với đất ở và không quá 30 ngày làm việc đối với đất thực hiện dự án, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các khoản tài chính có liên quan phải nộp theo thông báo. Sau khi hoàn thành việc thực hiện tất cả các nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất phải nộp biên lai gốc cho Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu thì Ban Quản lý Khu kinh tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

- *Bước 6:* Xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận:

+ Trong thời hạn không quá 1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Biên lai hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế kiểm tra, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế ký hợp đồng thuê đất, đề nghị Cục Thuế tỉnh xác nhận hoàn thành các nghĩa vụ tài chính (*nếu có*).

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc Cục Thuế có trách nhiệm xác nhận và gửi lại cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

+ Trong thời hạn không quá 0,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản xác nhận chủ sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm Phục vụ hành chính công*) hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện để đăng ký cấp Giấy chứng nhận.

- *Bước 7: Cấp Giấy chứng nhận*

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, chuẩn bị hồ sơ trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận.

+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận, chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, quét Giấy chứng nhận và hoàn thiện hồ sơ; trả kết quả cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

- *Bước 8: Trả kết quả*

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, sau khi nhận được Giấy chứng nhận, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm trao Giấy chứng nhận, bàn giao đất ngoài thực địa cho người sử dụng đất.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định (địa chỉ số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- *Hồ sơ trình ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất:*

+ Dự thảo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

+ Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Hồ sơ thửa đất đấu giá;

+ Hợp đồng thuê tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất;

+ Báo cáo về việc tổ chức thực hiện cuộc đấu giá và biên bản kết quả đấu giá thành công quyền sử dụng đất;

- Ban Quản lý Khu kinh tế nộp sang Văn phòng đăng ký đất đai:
- + Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND tỉnh
- + Biên lai hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá.
- + Trích lục/trích đo bản đồ địa chính thửa đất (bản giấy và file số);
- + Hợp đồng cho thuê đất;
- + Văn bản của Cục Thuế xác nhận chủ sử dụng đất đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính đối với toàn bộ dự án.

- Ban Quản lý Khu kinh tế nộp sang Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai:

- + Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- + Biên lai hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá;
- + Trích lục/trích đo bản đồ địa chính thửa đất (bản giấy và file số).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

**e) Thời gian giải quyết:** Không quá 36 ngày làm việc đối với đất ở của hộ gia đình, cá nhân; 46 ngày đối với đất thực hiện dự án của tổ chức (kể cả thời gian Tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính).

**g) Đối tượng thực hiện TTHC:** Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai 2013, sử dụng đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

**h) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh ký Hợp đồng cho thuê đất (đối với trường hợp cho thuê đất) và bàn giao đất ngoài thực địa.
- Cục Thuế tỉnh xác nhận hoàn thành các nghĩa vụ tài chính.
- Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, chuẩn bị hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, chuẩn bị hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hợp đồng cho thuê đất (đối với trường hợp cho thuê đất);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**k) Phí và lệ phí:** Phí thẩm định hồ sơ và Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thanh toán tại thời điểm nhận kết quả giải quyết TTHC. Mức thu theo quy định tại Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.



**l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin giao lại đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tờ khai tiền sử dụng đất theo Mẫu số 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính;

- Tờ khai lệ phí trước bạ theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo Mẫu số 01/TK-SDDPNN (đối với hộ gia đình cá nhân) và Mẫu số 02/TK-SDDPNN (đối với tổ chức) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 89/2017/NĐ-CP ngày 23/8/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội;

- Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh
- Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

Mẫu số: **01/ĐK**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 30/2014/TT-BTNMT ngày  
 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên  
 và Môi trường.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

..., ngày..... tháng .....năm ....

**ĐƠN <sup>1</sup>....**

**Kính gửi <sup>2</sup>:** .....

1. Người xin giao lại đất/thuê đất<sup>3</sup> .....
2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ liên hệ:.....
4. Địa điểm khu đất:.....
5. Diện tích (m2):.....
6. Đề sử dụng vào mục đích: <sup>4</sup>.....
7. Thời hạn sử dụng:.....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;  
 Các cam kết khác (nếu có).....

**Người làm đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

-----  
<sup>1</sup> Ghi rõ đơn xin giao lại đất hoặc xin thuê đất.

<sup>2</sup> Ghi rõ tên cấp có thẩm quyền giao lại đất, cho thuê đất.

<sup>3</sup> Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

<sup>4</sup> Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

- [01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh   
 [02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

**1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDD):**

**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:

**1.3 Đại lý thuế (nếu có) :**.....

**1.4. Mã số thuế:** .....

1.5. Địa chỉ: .....

1.6. Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....

1.7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :.....ngày.....

**2. Giấy tờ về quyền SDD (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**

**3. Đặc điểm thửa đất:**

**3.1. Địa chỉ thửa đất:**

Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn).....  
 Quận (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

**3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):**

**3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:**

**3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:**

**3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất:** ngày..... tháng.....năm.....

**3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:**

**4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):**

**4.1. Đất ở tại nông thôn:**

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

**4.2. Đất ở tại đô thị:**

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

**4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:**

**4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:**

**5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

**6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng**

---

**đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...**

---

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

...,Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .....

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ..... ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: .....

1.1. Địa chỉ thửa đất: .....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất: .....

1.4. Diện tích (m<sup>2</sup>): .....

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDD:

Địa chỉ người giao QSDD: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDD ngày ..... tháng ..... năm .....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: ..... Loại nhà: .....

2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup> sàn xây dựng): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng): .....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do): .....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....

- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày .... tháng .... năm ....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Hoặc **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC  
ỦY QUYỀN KHAI THAY**

Họ và tên:

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 156/TT-BTC ngày  
 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**  
 (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....

[02] lần đầu:  [03] bổ sung lần thứ:

**I/ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

<b>1. Người nộp thuế</b>		[04] Họ và tên:
[05] Ngày tháng năm sinh:	[06] Mã số thuế:	
[07] Số CMND/hộ chiếu: <b>215053165</b>	[08] Ngày cấp:	[09] Nơi cấp: <b>Công an Bình Định</b>
[10] Địa chỉ cư trú :		
[10.1] Tò/thôn:	[10.2] Phường/xã/thị trấn: <b>Nhon Hội</b>	
[10.3] Quận/huyện: <b>Tp Quy Nhơn</b>	[10.4] Tỉnh/Thành phố: <b>Bình Định</b>	
[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	[11.1] Điện thoại: <b>0866484849</b>	
[12] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):		
<b>2. Đại lý thuế (nếu có)</b>		[13] Tên tổ chức:
[14] Mã số thuế:		
[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:		
[15.1] Phường/xã/thị trấn:	[15.2] Quận/huyện:	[15.3] Tỉnh/Thành phố:
[15.4] Điện thoại:	Fax:	Email:
[15.5] Hợp đồng đại lý thuế:	Số hợp đồng :	Ngày : .../.../.....
<b>3. Thừa đất chịu thuế</b>		
[16] Địa chỉ: <b>Khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1)</b>	[17] Tò/Thôn: <b>Nhon Phước</b>	
[18] Phường/xã/thị trấn: <b>Nhon Hội</b>	[19] Quận/huyện: <b>Tp Quy Nhơn</b>	[20] Tỉnh/Thành phố: <b>Bình Định</b>
[21] Là thừa đất duy nhất: <input type="checkbox"/>	[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):	
[23] Đã có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	Số giấy chứng nhận: <b>CS 02652</b>	[23.1] Ngày cấp: <b>19/4/2021</b>
[23.2] Thừa đất số: <b>Lô số 448a</b>	[23.3] Tờ bản đồ số:	
[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: <b>100m<sup>2</sup></b>	[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh): <b>Đất ở</b>	
[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: <b>100m<sup>2</sup></b>		
	Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: <b>100m<sup>2</sup></b>	
[24.1]	Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định:	
[24.2]		
	[24.3] Hạn mức (nếu có)	
	Diện tích đất lấn, chiếm:	
[24.4]		
[25] Chưa có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	[25.1] Diện tích:	
[25.2] Mục đích đang sử dụng:	Đất ở	



**4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư** (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[26.1] Loại nhà: [26.2] Diện tích: [26.3] Hệ số phân bổ:

**5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế:** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....**6. Đăng ký nộp thuế:**

- Nộp thuế một lần trong năm
- Nộp thuế theo 2 lần trong năm
- Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm: ....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2021

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

**THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP**

Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**II/ PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG**

Đơn vị tiền: Đồng Việt

Nam

**1. Người nộp thuế**

[28] Họ và tên:

[29] Ngày tháng năm sinh:

[30] Mã số thuế:

[31] Số CMND/hộ chiếu:

[32] Ngày cấp:

[33] Nơi cấp:

**2. Thửa đất chịu thuế**

[34] Địa chỉ:

[35] Tò/Thôn:

[36] Phường/xã/thị trấn:

[37] Quận/huyện:

[38] Tỉnh/Thành phố:

[39] Đã có giấy chứng nhận 

Số GCN:

[39.1] Ngày cấp:

[39.2] Thửa đất số:

[39.3] Tờ bản đồ số:

[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[39.6] Mục đích sử dụng:

[39.7] Hạn mức:

(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)

[40] Chưa có giấy chứng nhận: 

[40.1] Diện tích:

[40.2] Mục đích đang sử dụng:

**3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41]** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)**4. Căn cứ tính thuế**

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[43] Hạn mức tính thuế:

[44] Thông tin xác định giá đất:

[44.1] Loại đất:

[44.2] Tên đường/vùng:

[44.3] Đoạn đường/khu vực:

[44.4] Loại đường:

[44.5] Vị trí/hạng:

[44.6] Giá đất:

[44.7] Hệ số (đường/hẻm):

[44.8] Giá 1 m<sup>2</sup> đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):**5. Diện tích đất tính thuế**

**5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%)	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
...	...	...

**5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):**

[48] Diện tích:

[49] Hệ số phân bổ:

**5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:****5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:**

[51] Diện tích : .....[52] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[53] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

**5.5. Đất lấn chiếm**

[54] Diện tích : ..... [55] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[56] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

Ngày .... tháng ... năm 2021

**Cán bộ địa chính xã /phường**

**/PHƯỜNG**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày .... tháng .... năm 2021

**CHỦ TỊCH UBND XÃ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **02/TK-SDDPNN**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số  
 156/TT-BTC ngày  
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**  
 (Dùng cho tổ chức)

[01] **Kỳ tính thuế:** Năm ...

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ: .....

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

**1. Người nộp thuế**

[04] Tên tổ chức: ..... [05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế: .....

[06.1] Tổ/thôn: ..... [06.2] Phường/xã/thị trấn: .....

[06.3] Quận/huyện: ..... [06.4] Tỉnh/Thành phố: .....

[07] Điện thoại: ..... [08] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có): .....

[09] Tên tổ chức: .....

**2. Đại lý thuế (nếu có)**

[10] Mã số thuế: .....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: .....

[11.1] Phường/xã/thị trấn: .....

[11.2] Quận/huyện: ..... [11.3] Tỉnh/Thành phố: .....

[11.4] Điện thoại: ..... [11.5] Fax: ..... [11.6] Email:.....

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế : Số: ..... Ngày .../.../.....

**3. Thừa đất chịu thuế**

[12] Địa chỉ: ..... [13] Tổ/Thôn: .....

[14] Phường/xã/thị trấn: ..... [15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số: ..... [17.1] Ngày cấp: .....

[17.2] Thừa đất số: ..... [17.3] Tờ bản đồ số: ..... [17.4] Diện tích: .....

[17.5] Mục đích sử dụng: .....

**4. [18] Đối tượng miễn, giảm thuế:**

**5. Căn cứ tính thuế:**

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng: .....

[20] Thông tin xác định giá đất: .....

[20.1] Loại đất: .....

[20.2] Tên đường/vùng: .....

[20.3] Đoạn đường/khu vực: .....

[20.4] Loại đường: ..... [20.5] Vị trí/hạng: .....

[20.6] Giá đất: [20.7] Hệ số (đường/hẻm):

[20.8] Giá 1m<sup>2</sup> đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

## 6. Tính thuế

### 6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[21] Diện tích:

[22] Số thuế phải nộp:

$$[22]=[21]*[20.8]*0,03\%$$

### 6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

[23] Diện tích:

[24] Hệ số phân bổ:

[25] Số thuế phải nộp:

$$[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03\%$$

### 6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích

[26] Diện tích:

[27] Số thuế phải nộp ( $[27]=[26]*[20.8]*0,03\%$ ):

### 6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[28] Mục đích đang sử dụng:

[29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):  
( Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[30] Diện tích:

[31] Giá 1m<sup>2</sup> đất:

[32] Số thuế phải nộp ( $[32]=[30]*[31]*[29]*0,15\%$ ):

### 6.5. Đất lấn, chiếm

[33] Mục đích đang sử dụng:

[34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):  
( Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[35] Diện tích:

[36] Giá 1m<sup>2</sup> đất:

[37] Số thuế phải nộp ( $[37]=[35]*[36]*[34]*0,2\%$ ):

7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ( $[38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37]$ ):

8. [39] Số thuế được miễn, giảm:

9. [40] Tổng số thuế phải nộp:  $[40]=[38] - [39]$

10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ( $[41]=[40]*5$ ):

### 11. Thời hạn nộp thuế:

- Nộp thuế một lần trong năm.
- Nộp thuế theo 2 lần trong năm.
- Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

**THUẾ** Chứng chỉ hành nghề số:.....  
(nếu có)

...,Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

## 4. Nhóm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất

**a) Trình tự thực hiện:**

Người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất, thực hiện theo quy định sau:

Đối với trường hợp xin gia hạn sử dụng đất mà phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư thì việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất được thực hiện đồng thời với việc thực hiện thủ tục đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư có điều chỉnh quy mô mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án thì thời hạn sử dụng đất được điều chỉnh theo thời gian hoạt động của dự án.

**- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết

Người sử dụng đất nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Quầy Ban Quản lý Khu kinh tế*). Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, viết phiếu hẹn và vào sổ theo dõi theo quy định. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để giải quyết.

**- Bước 2:** Thẩm định hồ sơ và ra quyết định giao đất

Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế quyết định gia hạn quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất bổ sung đối với trường hợp thuê đất; gửi thông tin địa chính cho Cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và thực hiện việc quản lý thu.

**- Bước 3:** Xác định nghĩa vụ tài chính

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc quyết định miễn, giảm nghĩa vụ tài chính và thông báo cho người sử dụng đất nộp; Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm gửi Thông báo nộp nghĩa vụ tài chính cho Ban Quản lý Khu kinh tế để thông báo cho người sử dụng đất.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm liên hệ để chuyển Thông báo nộp nghĩa vụ tài chính (hoặc quyết định miễn, giảm tiền nghĩa vụ tài chính) và Thông báo nộp lệ phí trước bạ cho người sử dụng đất.

+ Sau khi thực hiện hoàn thành nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất gửi Biên lai nộp nghĩa vụ tài chính cho Ban Quản lý Khu kinh tế. Trong thời gian không quá 01 ngày Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm gửi hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính đến Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh*) để chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

**- Bước 4:** Xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất

đai; gửi Giấy chứng nhận cho Trung tâm phục vụ Hành chính công (*quầy Sở Tài nguyên và Môi trường*) để gửi cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

- *Bước 5*: Trả kết quả

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, sau khi nhận được Giấy chứng nhận, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm liên hệ, trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định (*địa chỉ số 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn*) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

\* Trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu là 06 tháng, người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị gia hạn sử dụng đất;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (*bản gốc*);
- Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.
- Tờ khai thực hiện tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ (*theo mẫu của Bộ Tài chính*);

Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án thì nộp hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất sau khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư.

\* *Hồ sơ Ban Quản lý Khu kinh tế chuyển sang cơ quan thuế:*

- Phiếu chuyển Thông tin địa chính;
- Các tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- Thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Quyết định gia hạn sử dụng đất, gia hạn cho thuê đất, Hợp đồng gia hạn cho thuê đất.

\* *Hồ sơ Ban Quản lý Khu kinh tế chuyển sang Văn phòng đăng ký đất đai:*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (*bản gốc*);
- Quyết định gia hạn sử dụng đất, gia hạn cho thuê đất, Hợp đồng gia hạn cho thuê đất;
- Trích lục/trích đo bản đồ địa chính thửa đất (*bản giấy và file số*);
- Biên lai nộp nghĩa vụ tài chính hoặc quyết định miễn, giảm tiền nghĩa vụ tài chính.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

**e) Thời gian giải quyết:** Không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thẩm định nhu cầu sử dụng đất và người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

**g) Đối tượng thực hiện TTHC:** Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai 2013, sử dụng đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

**h) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quyết định gia hạn quyền sử dụng đất; ký Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*) và bàn giao đất ngoài thực địa.

- Cục Thuế tỉnh xác định nghĩa vụ tài chính.

- Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định gia hạn quyền sử dụng đất; Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*);

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

**k) Phí và Lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thanh toán tại thời điểm nhận kết quả giải quyết TTHC. Mức thu theo quy định tại Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Mẫu số 01/TMĐN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Tờ khai tiền sử dụng đất theo Mẫu số 01/TSDĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Tờ khai lệ phí trước bạ theo Mẫu số 01 Ban hành kèm theo Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 89/2017/NĐ-CP ngày 23/8/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội;

- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh và Quyết định 40/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC**

[01] Kỳ tính thuế: Năm ....

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có) :

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện:

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:

[16] Fax:

[17] Email: .

[18] Hợp đồng đại lý thuế, số: ..

ngày ..

**1. Văn bản của cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất, thuê mặt nước (hoặc chuyển từ giao đất sang cho thuê đất, gia hạn cho thuê đất, thuê mặt nước...):**

1.1. Quyết định số ..... ngày ..... tháng .... năm .... của .....

1.2. Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**2. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:**

2.1. Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

2.2. Vị trí thửa đất/mặt nước

2.3. Mục đích sử dụng:

2.4. Diện tích:

2.5. Thời điểm được thuê đất (theo ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):.....

Ngày được bàn giao sử dụng: ..... (áp dụng trong trường hợp ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, mặt nước khác với ngày được bàn giao sử dụng)

**3. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê(m<sup>2</sup>) :**

3.1. Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

3.2. Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

3.3. Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

3.4. Đất/ mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

3.5. Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác

**4. Thời gian thuê :**

**5. Các khoản tiền được giảm trừ tiền thuê đất, mặt nước (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường, hỗ trợ về đất: ..... đồng

5.2. Số tiền sử dụng đất đã nộp trước (nếu có): ..... đồng

5.3. Đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (lý do được miễn, giảm):

**6. Hình thức nộp tiền thuê đất:**

6.1. Nộp một lần cho cả thời gian thuê:

6.2. Nộp hàng năm:

**7. Hồ sơ, chứng từ kèm theo chứng minh thuộc đối tượng được trừ hoặc miễn, giảm tiền thuê đất (nếu bản sao thì phải có công chứng nhà nước):**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số: **01/TSDĐ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 156/2013/TT-BTC ngày  
6/11/2013 của Bộ Tài chính.)

**TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu  [03] Bổ sung lần thứ

**1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ):**

**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:

**1.3 Đại lý thuế (nếu có) :**.....

**1.4. Mã số thuế:** .....

1.5. Địa chỉ: .....

1.6. Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....

1.7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :.....ngày.....

**2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**

**3. Đặc điểm thửa đất:**

3.1. Địa chỉ thửa đất:

Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn)..... Quận  
(huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng..... năm.....

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

**4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):**

4.1. Đất ở tại nông thôn:

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

**5. Các khoản được giảm trừ tiền SDĐ hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

**6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .....

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ..... ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: .....

1.1. Địa chỉ thửa đất: .....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất: .....

1.4. Diện tích (m<sup>2</sup>): .....

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDD:

Địa chỉ người giao QSDD: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDD ngày ..... tháng ..... năm .....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: ..... Loại nhà: .....

2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup> sàn xây dựng): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng): .....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do): .....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....

- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày .... tháng .... năm ....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Hoặc **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC**  
**ỦY QUYỀN KHAI THAY**

Họ và tên:

**5. Nhóm thủ tục thu hồi đất do tự nguyện trả lại đất (chỉ áp dụng cho các dự án đầu tư)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết

Người sử dụng đất nộp thông báo hoặc văn bản tự nguyện trả lại đất và kèm theo Giấy chứng nhận (*bản gốc*) tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (*quầy Ban Quản lý Khu kinh tế*). Công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, viết phiếu hẹn và vào sổ theo dõi theo quy định. Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết.

- *Bước 2:* Xác minh thực địa, thẩm định hồ sơ, quyết định thu hồi đất, hủy hợp đồng cho thuê đất.

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế quyết định thu hồi đất, hủy hợp đồng cho thuê đất, xác định giá trị quyền sử dụng đất còn lại (*không tính thời gian xác định giá trị quyền sử dụng đất còn lại*); gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

- *Bước 3:* Ký hủy Giấy chứng nhận

Trong thời gian không quá 03 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Văn phòng đăng ký đất đai trình Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký quyết định thu hồi (*bám lỗ*) Giấy chứng nhận hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận; thực hiện đăng ký vào hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định và thông báo kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (*quầy Sở Tài nguyên và Môi trường*) để thông báo cho Ban Quản lý Khu kinh tế.

- *Bước 4:* Trả kết quả

Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng đất biết và nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (*quầy Ban Quản lý Khu kinh tế*).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Định (*số 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn*) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- *Người sử dụng đất nộp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (quầy Ban Quản lý Khu kinh tế):* Thông báo hoặc văn bản tự nguyện trả lại đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*bản gốc*);

- *Ban Quản lý Khu kinh tế nộp sang Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai*

+ Văn bản thông báo hoặc văn bản tự nguyện trả lại đất;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*bản gốc*);

+ Biên bản xác minh thực địa (*nếu có*);

- + Quyết định thu hồi đất;
- + Trích lục/trích đo bản đồ địa chính thửa đất (*bản giấy và file số*).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

**e) Thời gian giải quyết:** không quá 10 ngày làm việc

**g) Đối tượng thực hiện TTHC:** Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai 2013, sử dụng đất trên địa bàn KKT Nhơn Hội.

**h) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh quyết định thu hồi đất; hủy Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*).

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Quyết định thu hồi (*bám lỗ*) hoặc chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**i) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định thu hồi đất; hủy Hợp đồng cho thuê đất (*đối với trường hợp cho thuê đất*);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý.

**k) Lệ phí:** không.

**l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không

**m) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 89/2017/NĐ-CP ngày 23/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trong Khu kinh tế Nhơn Hội;

- Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định quy định các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh và Quyết định 40/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

---